

Bản án số: 206/2024/HS-PT
Ngày: 27-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Trâm Anh**

Các Thẩm phán: Ông **Võ Minh Triều**

Ông **Nguyễn Thanh Phong**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Quan Thanh Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà **Huỳnh Thị Cẩm Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 153/2024/TLPT-HS ngày 16 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Cao Minh T và các bị cáo khác do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2024/HS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- *Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:*

1. Cao Minh T (tên gọi khác Năm C), sinh ngày 26 tháng 6 năm 1989 tại A, Kiên Giang; Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn G và bà Lê Thị H; vợ Trần Thị Thu B; con có 02 người, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Hoàng B1 (tên gọi khác Cá K), sinh ngày 16 tháng 01 năm 1994 tại A, Kiên Giang; Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Hoàng B2 và bà Lê Thị H1; vợ Võ Thị Kim L; con có 02 người, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2023; Tiền án, tiền sự: không; Về nhân thân: Ngày 10/5/2016 bị Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xử phạt 5.000.000 đồng về tội Đánh bạc tại Bản án số 20/2016/HSST; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Hồng O, sinh ngày 26 tháng 6 năm 1976 tại A, Kiên Giang; Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N (chết) và bà Mai Thị Đ (chết); vợ Nguyễn Thị T1; con có 02 người, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại có kháng cáo: Nguyễn Tấn L1, sinh năm 1970. Địa chỉ: A, T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 07/7/2023, tại ấp V, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Ông Nguyễn Tấn L1 tổ chức uống bia tại nhà cùng với bà Châu Thị P, bà Nguyễn Ngọc K1, ông Nguyễn Sơn Đ1, ông Trần Văn S, bà Ý (bạn của ông S). Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, thì ông S và bà Ý ra về trước, lúc này ông L1 mới ra mở cửa rào cho ông S và bà Ý về thì thấy có Cao Minh T (Năm C) đang đứng ở cửa, ông L1 mở cửa ra thì T bước vào phía trong đi tới chỗ nhà sàn của ông L1, khi ông L1 còn ở phía ngoài hàng rào, T mới bước đến cự cãi với bà P về việc bà P thua tiền đá gà mạng của T nhưng không trả. Trong lúc cự cãi, T chụp lấy cây dao cán vàng để sẵn trên thùng loa kéo kéo nhào lại định đâm bà P thì ông Đ1 can ngăn ôm T lại nhưng không giật cây dao lại được, ông Đ1 mới la lên thì ông L1 chạy vào dùng tay bóp cổ T, lúc này ông S thấy vậy cũng chạy vào can ngăn ông L1 lại, T bị bóp cổ đau quá nên buông tay làm rơi cây dao cán vàng xuống nền nhà, thì ông L1 và ông Đ1 buông Tân ra, Tân nhảy ra hàng rào lưới bên hông nhà sàn đi ra ngoài. Sau đó, qua điện thoại bà P và ông L1 có kêu mẹ ruột của T là bà Lê Thị H kêu T về, nhưng do bận buôn bán nên bà H gọi em ruột là Lê Hồng O đến nhà ông L1 kêu T về, lúc này O đang nhậu với Phạm Hoàng B1, khi nghe bà H nói vậy thì B1 chở O đến nhà ông L1 tìm T.

Bị ông L1 bóp cổ Tân tức giận không về mà đứng gọi điện thoại (cho ai không xác định được) và đứng lại chỗ hàng rào khoảng 10 phút, T tiếp tục đứng ở ngoài chờ ông L1 rủ ông L1 ra ngoài đánh nhau nhưng ông L1 không ra. Một lúc sau Phạm Hoàng B1 và Lê Hồng O chạy tới, tiếp đến có rất nhiều đối tượng cũng chạy tới, dừng xe đứng phía ngoài hàng rào nhà của ông L1, lúc này B1 dùng gạch ống chọi vô nhà ông L1 nhưng ông L1 không bước ra ngoài. Tiếp đó, bà Lê Thị H điều khiển xe máy đến, nhìn thấy T bị trầy xước ở cổ nên bà H hỏi thì T nói bị ông L1 bóp cổ, bà H mới bước vô hỏi ông L1 tại sao bóp cổ T, nhưng ông L1 ngồi trên chòi trả lời gì thì bà H nghe không rõ, lúc này Lê Hồng O bước đến đẩy cửa rào và mở chốt đi vào chòi cùng với T, B1 và bà H, thấy nhóm T đi vào ông L1 cầm cây búa đóng đinh và cây dao từ trên chòi bước xuống, bà H thấy vậy nên sợ bỏ chạy về phía

trước, ông L1 nhào vô đánh nhau với T, làm cho Tân ngã, ông L1 quay qua đánh nhau với B1 dùng dao chém trúng vào vùng gò má trái, cánh tay trái và lưng của B1 gây thương tích nhẹ, B1 và O nhào vô đánh nhau với ông L1 dưới sân phía trước chòi, trong lúc đánh nhau, O bị trượt té vào đồng gạch bị thương ở chân chảy máu, T dùng khúc gỗ đánh vào đầu ông L1 làm cho ông L1 bị thương chảy nhiều máu, lúc này bà K1, bà P và bà H đến can ngăn, bà H kêu T, B1 và O đi về, sau đó nhóm của T đi ra lên xe về, còn ông L1 được mọi người đưa đến bệnh viện.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 744/KLTTCT-PY ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Trung tâm pháp y tỉnh K, kết luận thương tích của Nguyễn Tấn L1 như sau:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo phần mềm vùng trán giữa, vùng đỉnh trái, vùng đỉnh, cằm trái và vùng vai trái.

- Chấn thương vùng ngực, hông phải, gãy xương sườn VIII, IX, X, XI, XII bên phải, hiện xương không di lệch, đã có cal xương.

- Chấn thương phần mềm vùng đùi trái, đã được điều trị ổn. Hiện không còn dấu vết thương tích.

2. Kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Tấn L1 tại thời điểm giám định là 19% (Mười chín phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại thông tư.

3. Vật gây thương tích:

- Thương tích ở vùng trán trái, vùng đỉnh, cằm trái do vật có cạnh sắc gây nên.

- Thương tích ở vùng đỉnh trái do vật tày có cạnh sắc gây nên.

- Thương tích vùng vai trái do vật sắc nhọn gây nên.

- Thương tích ở vùng ngực - hông phải (gãy xương sườn VIII, IX, X, XI, XII) bên phải và vùng đùi trái do vật tày gây nên.

Về cơ chế hình thành thương tích:

- Thương tích ở vùng trán trái do vật sắc tác động theo hướng từ trước ra sau, từ trái qua phải so với trục giải phẫu của cơ thể.

- Thương tích vùng đỉnh trái do vật tày có cạnh sắc tác động theo hướng từ trên xuống dưới so với trục giải phẫu cơ thể.

- Thương tích ở vùng cằm trái do vật sắc tác động theo hướng từ trên xuống dưới, từ sau ra trước so với trục giải phẫu cơ thể.

- Thương tích ở vùng vai trái do vật sắc nhọn tác động theo hướng từ trước ra sau so với trục giải phẫu của cơ thể.

- Thương tích vùng ngực - hông phải (gãy xương sườn VIII, IX, X, XI, XII) bên phải) do vật tày tác động theo hướng từ phải qua trái so với trục giải phẫu của cơ thể.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 đoạn gỗ tròn dài 109cm, đầu nhỏ nhất có đường kính 5,2cm, đầu lớn nhất

có đường kính 7,2cm; 01 đoạn gỗ tròn dài 194,5cm, đầu lớn nhất 5,5cm, đầu nhỏ nhất có đường kính 3,8cm ; 01 đoạn gỗ tròn dài 157cm, đầu nhỏ nhất có đường kính 3,2cm, đầu lớn nhất có đường kính 4cm; 01 cây búa loại đóng đinh, bị sút rời phần lưỡi búa; 01 cây dao cán vàng có chiều dài 22cm; 01 cây kéo bằng kim loại bị gãy cán; 05 viên gạch ống.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là ông Nguyễn Tấn L1 yêu cầu các bị can Cao Minh T, Phạm Hoàng B1 và Lê Hồng O bồi thường chi phí điều trị thương tích và các khoản thiệt hại khác với tổng số tiền 200.000.000 đồng. Các bị can đã tự nguyện nộp khắc phục thiệt hại số tiền 30.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 87/2024/HS-ST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1- Tuyên bố: Các bị cáo Cao Minh T (Năm C), Phạm Hoàng B1 (C) và Lê Hồng O phạm tội Cố ý gây thương tích.

1.1- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Cao Minh T (Năm C) 09 (chín) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

1.2- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Hoàng B1 (C) 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

1.3- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Hồng O 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

2- Về trách nhiệm dân sự, buộc các bị cáo T, O, B1 liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Tấn L1 tổng số tiền là 73.400.000 đồng. Khấu trừ số tiền tạm nộp tại cơ quan thi hành án 50.000.000 đồng, các bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường là 23.400.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bị hại L1 đối với bồi thường về danh dự, tổn hại sức khỏe là 126.600.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, lãi chậm trả và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 16/9/2024, các bị cáo Cao Minh T, Phạm Hoàng B1 và Lê Hồng O có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 12/9/2024 bị hại Nguyễn Tấn L1 có đơn kháng cáo về việc bỏ lọt tội phạm, thiếu tội danh, tăng mức hình phạt đối với các bị cáo T, B1, O, tăng mức bồi thường thiệt hại, đồng thời đề nghị điều tra lại chuyển tội danh giết người đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo hưởng án treo. Bị hại vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo, không chấp nhận đơn kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của các bị cáo Cao Minh T, Phạm Hoàng B1 và Lê Hồng O, bị hại Nguyễn Tấn L1 đã đúng qui định về người có quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo theo Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự (2015). Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo, bị hại theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về Quyết định của Bản án sơ thẩm: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 07/7/2023, do có mâu thuẫn từ việc Cao Minh T đến nhà ông Nguyễn Tấn L1 tìm bà Châu Thị P để đòi tiền, dẫn đến việc ông L1 và T đánh nhau, sau khi được can ngăn thì T không về nhà mà tiếp tục đứng trước hàng rào nhà ông L1 chửi và rú ông L1 ra đánh nhau. Một lúc sau Phạm Hoàng B1, Lê Hồng O và một số đối tượng chạy đến nhà ông L1. Sau đó ông L1 đánh nhau với T, B1 và O, T dùng khúc gỗ đánh vào đầu ông L1, hậu quả làm cho ông L1 bị thương ở vùng trán, đỉnh trái, chằm trái, vai trái, đùi trái, gãy xương sườn số VIII, IX, X, XI, XII phải điều trị tại Bệnh viện. Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 744/KLTTCT-PY ngày 26/9/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh K, kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của ông L1 là 19%. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”. Do đó cấp sơ thẩm đã áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự để xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ và đúng qui định của pháp luật. Bị hại cho rằng cần phải điều tra lại và chuyển sang tội danh giết người là không có cơ sở.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của các bị cáo:

Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng, các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại, bị cáo T và B1 có thân nhân là người có công với cách mạng, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ nêu trên quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 để giảm nhẹ cho các bị cáo là đúng quy định pháp luật. Việc các bị cáo xin hưởng án treo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có cơ sở xem xét.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của bị hại: Bị hại kháng cáo tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo, xét thấy các bị cáo T, B1, O có các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo T 09 tháng tù, bị cáo O,

bị cáo B1 mức án 06 tháng tù là phù hợp với quy định pháp luật. Do đó kháng cáo tăng nặng hình phạt của bị hại không có căn cứ để chấp nhận.

Ông L1 kháng cáo cho rằng có việc bỏ lọt tội phạm, xét bà H chỉ là người can ngăn, không xúi giục, không tham gia đánh nhau nên việc ông L1 cho rằng bỏ lọt tội phạm đối với bà H là không có cơ sở. Đối với những người khác như T2, T3 khi đi ngang có gặp T nói chuyện vài câu rồi họ bỏ đi hoặc chỉ dừng lại xem khi thấy đánh nhau, chứ không có tham gia đánh nhau và những nhân chứng tại hiện trường chỉ thấy T, B1, O đánh nhau với ông L1, cho nên yêu cầu của ông L1 không có cơ sở chấp nhận.

Ông L1 cho rằng cần phải khởi tố các bị cáo thêm tội danh gây rối trật tự công cộng, xét thấy yêu cầu này không có cơ sở xem xét, bởi lẽ hành vi các bị cáo gây thương tích cho bị hại là trước sân nhà, không phải nơi công cộng.

- Về trách nhiệm dân sự: bị hại yêu cầu bồi thường tổng thiệt hại mà các bị cáo đã gây ra là 200.000.000 đồng gồm: chi phí điều trị 20 triệu, ngày công lao động 30 triệu, tổn hại sức khỏe 50 triệu, tổn thất danh dự, tinh thần 100 triệu. Cấp sơ thẩm đã chấp nhận các khoản bồi thường như sau: chi phí điều trị 20 triệu, ngày công lao động 30 triệu, tiền bồi thường tổn thất tinh thần 23.400.000đ (tương đương 10 tháng lương tối thiểu). Xét thấy, bị hại không cung cấp chứng từ để chứng minh các khoản thiệt hại như tiền mất thu nhập, chi phí điều trị, chi phí bồi dưỡng sức khỏe, thuê phương tiện đi lại điều trị..., tuy nhiên các bị cáo đã thỏa thuận thống nhất bồi thường theo yêu cầu bị hại, cụ thể bồi thường chi phí điều trị như chi phí bồi dưỡng sức khỏe, thuê phương tiện đi lại điều trị, chi phí bồi dưỡng sức khỏe với số tiền 20 triệu đồng, tiền mất thu nhập với số tiền 30 triệu đồng là phù hợp. Đối với khoản bồi thường tổn thất tinh thần, cấp sơ thẩm buộc bồi thường với số tiền 23.400.000 đồng tương đương 10 tháng lương tối thiểu đối với thương tích 19% của bị hại là phù hợp quy định pháp luật. Do đó, việc kháng cáo của bị hại đề nghị tăng mức bồi thường là không có cơ sở xem xét.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo đã tiếp tục nộp tiền bồi thường số tiền còn lại là 23.400.000 đồng, xem như đã thực hiện xong về trách nhiệm dân sự.

[4] Về quan điểm của Kiểm sát viên: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm 200.000đ.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 87/2024/HS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

2- Tuyên bố: Các bị cáo Cao Minh T (Năm C), Phạm Hoàng B1 (C) và Lê Hồng O phạm tội Cố ý gây thương tích.

2.1- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Cao Minh T (Năm C) 09 (chín) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

2.2- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Hoàng B1 (C) 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

2.3- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Hồng O 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự, Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, buộc các bị cáo T, O, B1 liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Tấn L1 tổng số tiền là 73.400.000 đồng (gồm chi phí điều trị 20.000.000 đồng, chi phí ngày công lao động 30.000.000 đồng, tổn thất tinh thần 23.400.000 đồng). Khấu trừ số tiền tạm nộp tại cơ quan thi hành án 50.000.000 đồng, các bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường là 23.400.000 đồng.

(Số tiền 23.400.000 đồng sau khi xét xử sơ thẩm đã được các bị cáo O, T, B1 nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh theo biên lai số 0004285 ngày 13-9-2024)

Bị hại L1 được nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh số tiền 73.400.000 đồng do các bị cáo đã nộp tại các biên lai gồm: biên lai số 0004270 ngày 02-8-2024 số tiền 6.000.000 đồng do bị cáo O nộp; biên lai số 0004269 ngày 02-8-2024 số tiền 7.000.000 đồng do bị cáo B1 nộp; biên lai số 0004268 ngày 02-8-2024 số tiền 7.000.000 đồng do bị cáo Tân nộp; biên lai số 0004016 ngày 02-5-2024 số tiền 10.000.000 đồng do bị cáo Tân nộp; biên lai số 0004017 ngày 02-5-2024 số tiền 10.000.000 đồng do bị cáo B1 nộp; biên lai số 0004018 ngày 02-5-2024 số tiền 10.000.000 đồng do bị cáo O nộp, biên lai số 0004285 ngày 13-9-2024 số tiền 23.400.000 đồng do bị cáo O, T, B1 nộp.).

Không chấp nhận yêu cầu của bị hại L1 đối với bồi thường về danh dự, tổn

hại sức khỏe là 126.600.000 đồng.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo T, B1 và O mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 87/2024/HS-ST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1;
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh KG;
- Sở Tư pháp tỉnh KG;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG;
- Cơ quan điều tra huyện An Minh;
- VKSND huyện An Minh;
- TAND huyện An Minh;
- THA hình sự huyện An Minh;
- CC THADS huyện An Minh;
- Bị cáo;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Trâm Anh